

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MÁY CÔNG TRÌNH THIÊN PHÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MÁY CÔNG TRÌNH THIÊN PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN PHU INVEST CONSTRUCTION MACHINES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108058220

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 9 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [thienphumaycongtrinh@gmail.com](mailto:thienphumaycongtrinh@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2610     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2740     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4752 |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4633 |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641 |
| 11. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8020 |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 14. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>- Dịch vụ cầm đồ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6492 |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4100 |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4210 |
| 17. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2630 |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt                                                                                                       | 4669 |
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4759 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. | 5629        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5630        |
| 22. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6190        |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4511        |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4530        |
| 25. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659(Chính) |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 29. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa<br>Kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7912        |
| 30. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>- Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Xây dựng công trình cửa<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290        |
| 31. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2733        |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4771        |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                         | 5621 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Việc lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng ; Cụ thể: + Dây dẫn và thiết bị điện, + Hệ thống chiếu sáng, + Chuông báo cháy, + Hệ thống báo động chống trộm | 4321 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                     | 4652 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định                                                                                              | 4932 |
| 38. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 39. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 40. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: Đại Lý                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 41. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                      | 4312 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                        | 4322 |
| 44. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                              | 2750 |
| 45. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                            | 5510 |
| 46. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                           | 4512 |
| 47. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                  | 4543 |
| 48. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định                                                                                                             | 4933 |
| 49. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                             | 8299 |
| 51. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                          | 2817 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHÙNG TRỌNG TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/06/1961 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001061003469

Ngày cấp: 27/05/2016 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 9 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 9 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG TRỌNG TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/06/1961 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001061003469

Ngày cấp: 27/05/2016 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 9 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 9 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội